



Original Article

New Trends in the Development of Vietnamese Criminal Law and Some Notable Issues

Trinh Quoc Toan*

VNU University of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 10 February 2024

Revised 23 April 2024; Accepted 25 June 2024

Abstract: The article points out some new trends in Vietnam's criminal law based on analyzing and evaluating the main new contents of the Criminal Code 2015 (amended and supplemented in 2017). Firstly, the article analyzes some trends in the development of crime regulations in the direction of criminalizing socially dangerous acts that have recently appeared in the process of national development and decriminalizing some criminal acts prescribed in the Criminal Code 1999 are no longer dangerous to society, including the fields of economics, environment, high technology, and human rights. Secondly, the article clarifies the trend of developing humanity in criminal justice based on the provisions of the Criminal Code 2015. The article also pays attention to the study of the issue of internationalization and internalization of criminal regulations in international treaties to which Vietnam is a member country as shown in the Criminal Code 2015. Based on the above results, the article proposes several recommendations to continue to change and improve Vietnam's criminal law in the future.

Keywords: Vietnamese Criminal Law, new trends, criminalization, decriminalization, humanization, internationalization, Criminal Code 2015.

* Corresponding author.

E-mail address: quoctoan@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4652>

Xu hướng phát triển mới của Luật Hình sự Việt Nam và một số vấn đề đặt ra

Trịnh Quốc Toản *

Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 10 tháng 2 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 23 tháng 4 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 6 năm 2024

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến một số xu hướng phát triển mới của Luật Hình sự Việt Nam trên cơ sở phân tích, đánh giá các nội dung mới chủ yếu của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nội dung bài viết trước hết phân tích một số xu hướng phát triển các quy định về tội phạm theo hướng tội phạm hóa những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển đất nước, đồng thời phi tội phạm hóa một số hành vi tội phạm đã được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 1999 nay không còn nguy hiểm cho xã hội trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, trước hết là trong lĩnh vực kinh tế, môi trường, công nghệ cao, quyền con người. Đồng thời bài viết cũng phân tích sâu sắc xu hướng phát triển tính nhân đạo trong Luật Hình sự trên cơ sở các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bài viết cũng chú ý đến việc nghiên cứu vấn đề quốc tế hóa, nội luật hóa các quy định hình sự trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là quốc gia thành viên được thể hiện trong Bộ luật Hình sự năm 2015. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu xu hướng phát triển của Luật Hình sự, bài viết đề xuất một số kiến nghị tiếp tục đổi và hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong tương lai.

Từ khóa: Luật Hình sự Việt Nam, các hướng phát triển mới, tội phạm hóa, phi tội phạm hóa, nhân đạo hóa, nội luật hóa, Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Dẫn nhập

Xu hướng phát triển của Luật Hình sự (LHS) là chuyển động, đường đi của LHS theo một hướng nhất định trong một giai đoạn lịch sử và một không gian nào đó, nó được coi là phần tất yếu của sự thay đổi và phát triển của LHS hiện đại.

Nghiên cứu phân tích, đánh giá đúng đắn xu hướng phát triển của LHS sẽ mở ra cánh cửa cho một cái nhìn tổng quan, toàn diện về các mốc thời gian và hiểu rõ hơn về các xu hướng vận động của chính sách hình sự (CSHS) và LHS thực định, giúp cho cơ quan có thẩm quyền đưa ra những quyết định thông minh, cũng như phù hợp hơn trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật hình sự (PLHS).

Quá trình phát triển của LHS Việt Nam là quá trình xây dựng và hoàn thiện các chế định về tội phạm, trách nhiệm hình sự (TNHS) và hình phạt, cũng như các chế định khác có liên quan. Nhất là từ khi LHS được pháp điển hóa với việc ban hành 03 Bộ luật Hình sự (BLHS) vào các năm 1985, 1999 và 2015, một loạt các vấn đề quan trọng trong khoa học LHS được trình bày có hệ thống nguyên lý nền tảng.

Cùng với sự thay đổi to lớn của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, bên cạnh xu hướng phát triển của các ngành luật khác trong hệ thống pháp luật, xu hướng phát triển của LHS nước ta đã có tính ổn định và luôn được củng cố. Quá trình này gắn liền với sự tác động của các yếu tố

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: quoctoan@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4652>

khách quan và chủ quan khác nhau trong xã hội. Các yếu tố đó không bất biến mà có sự thay đổi, vì thế dưới sự tác động của nó, LHS cũng luôn ở trong trạng thái động, biến đổi.

Ngày nay, thế giới đang tiến hành cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, khu vực hóa, xu hướng phát triển của LHS mỗi nước mặc dù có những khác biệt, nhưng có những điểm chung, có sự liên hệ và tác động lẫn nhau. Đứng trước bối cảnh đó, trào lưu cải cách LHS đang diễn ra sôi nổi ở nhiều nước và Việt Nam cũng trong số đó. Với việc ban hành BLHS năm 2015 thay thế BLHS năm 1999, Việt Nam đã thể hiện rõ sự đổi mới mạnh về CSHS, kế thừa, phát triển các quy định còn phù hợp của các lần pháp điển hóa LHS trước đó trên cơ sở tổng kết, phân tích đánh giá thực tiễn thi hành đã bổ sung những quy định mới đáp ứng những yêu cầu cơ bản của Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020. BLHS năm 2015 đã có những tác động tích cực đối với công tác phòng, chống tội phạm, bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển các giá trị cốt lõi của đất nước, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Tuy vậy, BLHS năm 2015, mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, vẫn còn có những tồn tại, hạn chế nhất định nên việc nghiên cứu các xu hướng phát triển của LHS mang tính cần thiết khách quan, góp phần hoàn thiện CSHS và LHS thực định trong tương lai.

2. Xu hướng phát triển của các quy định về tội phạm trong luật hình sự

Đây còn hiểu là xu hướng tội phạm hóa (TPH) và phi tội phạm hóa, đó là hai quá trình đối lập nhau, nhưng lại có mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó, tác động qua lại với nhau và là nội dung chủ yếu của CSHS, được thể hiện trong hoạt động lập pháp hình sự.

Phân tích thực tiễn pháp điển hóa LHS với việc ban hành BLHS năm 2015 cho thấy một số

xu hướng phát triển mới chủ yếu của LHS nước ta với việc điều chỉnh PLHS quy định tội phạm, đó là quy định là tội phạm đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế, đồng thời rà soát loại bỏ một số hành vi tội phạm đã được quy định trong BLHS năm 1999 nay không còn nguy hiểm cho xã hội.

2.1. Bộ luật Hình sự năm 2015 thể chế hóa về mặt hình sự chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

BLHS năm 1999 đã thể hiện vai trò quan trọng bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, BLHS này vẫn còn mang dấu ấn của sản phẩm thời kỳ đầu của quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; một số quy định không còn phù hợp với điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế thế giới. Mặt khác, nhiều hành vi phạm tội mới chưa được kịp thời bổ sung hoặc tuy đã được bổ sung, nhưng chưa đầy đủ, toàn diện ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của nền kinh tế cũng như hiệu quả của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm [1]. Chính vì vậy, BLHS năm 2015 trước hết đã đặt trọng tâm vào sửa đổi, bổ sung nhóm các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và tội phạm về môi trường, cụ thể:

Một là, BLHS đã quy định tội danh mới (TPH toàn phần) trong 16 điều luật về tội phạm trong các lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm và một số lĩnh vực kinh tế khác (từ Điều 212 - 224, 230, 234) và một tội danh mới về môi trường tại Điều 238.

Bên cạnh đó, cấu thành tội phạm (CTTP) của nhiều tội phạm trong lĩnh vực kinh tế và môi trường cũng được sửa đổi theo hướng cụ thể hóa các hành vi và quy định mức định lượng vi phạm cụ thể để xử lý nhằm đảm bảo tính khả thi và thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng, thay cho quy định mang tính chung chung trước đây, ví dụ như điều luật quy định về tội trốn thuế (Điều 200); tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (Điều 206); tội gây ô nhiễm môi trường (Điều 235),...

Hai là, lần đầu tiên trong lịch sử phát triển của LHS Việt Nam, BLHS năm 2015 đã thiết lập tương đối toàn diện về chế định TNHS của pháp nhân. Chế định này đã được quy định trong LHS của nhiều nước [2], nhưng đối với Việt Nam nó là “*nội dung thay đổi quan trọng trong CSHS, khẳng định quan điểm của Nhà nước ta trong việc xử lý nghiêm minh các pháp nhân vi phạm pháp luật, đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Quy định này không chỉ bảo đảm sự thống nhất chung của hệ thống pháp luật mà còn nhằm thực thi các cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà nước ta là thành viên, bảo đảm công bằng giữa pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài và pháp nhân nước ngoài tại Việt Nam*” [3].

Các quy định đối với pháp nhân thương mại (PNTM) phạm tội được thể hiện tập trung tại chương XI BLHS, gồm 16 Điều (từ Điều 74 - 89) và trong một số Điều khoản khác của BLHS (các điều 2, 3, 6, 8, 33,46). BLHS xác định PNTM là chủ thể của tội phạm (Điều 8 BLHS) và là chủ thể chịu TNHS đối với các tội phạm quy định tại 33 Điều luật về tội phạm (các Điều 188 - 196, 200, 203, 209 - 213, 216, 217, 225 - 227, 232, 234, 235, 237 - 239, 242 - 246, 300 và 324), trong đó, ngoài tội tài trợ cho khủng bố (Điều 300) và tội rửa tiền (Điều 324), đều là các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và tội phạm về môi trường. Đồng thời, Điều 75 BLHS quy định 04 điều kiện để quy kết TNHS cho PNTM, đó là hành vi phạm tội được thực hiện: i) nhân danh PNTM; ii) vì lợi ích của PNTM; iii) có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM; iv) chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS.

Song song với quá trình TPH, BLHS cũng tiến hành phi TPH đối với 04 tội danh đã được quy định trong BLHS năm 1999. Đó là Tội kinh doanh trái phép (Điều 159); tội báo cáo sai trong quản lý kinh tế (Điều 167); tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (Điều 170); tội sử dụng trái phép quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (Điều 178).

2.2. Xu hướng phát triển các quy định tội phạm bằng việc tiếp tục thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Hiến pháp năm 2013

nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý để bảo vệ tốt hơn các quyền dân sự, chính trị, cũng như phẩm giá của con người trên cơ sở cân nhắc tính khả thi, phù hợp với điều kiện phát triển các mặt của đất nước.

BLHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người (Chương XIV) và nhóm các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do dân chủ của công dân (Chương XV) theo hướng nêu trên, thể hiện ở các mặt sau:

*Một là, Chương XIV BLHS đã sửa đổi, bổ sung cơ sở TNHS đối với các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, trong đó quy định 02 loại tội danh mới: Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147) và Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154). Đồng thời, CTTP của nhiều tội phạm trong chương này cũng đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng TPH một phần, ví dụ như: Bổ sung hành vi phạm tội “*thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái ý muốn của nạn nhân*” trong các tội quy định tại các điều 141, 142; bổ sung hành vi phạm tội “*miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác*” (các điều 143 và 144); bổ sung hành vi phạm tội “*thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” (Điều 145),...*

Hai là, BLHS cũng đã điều chỉnh tên chương XIII của BLHS năm 1999 cho phù hợp hơn để bao quát nội hàm quy định trong chương về bảo vệ các quyền tự do, dân chủ của công dân, theo đó tên chương mới (chương XV) là: “Các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân”, như vậy cũng có nghĩa là mở rộng phạm vi khách thể bảo vệ là quyền tự do của con người nói chung, chứ không chỉ là quyền tự do của công dân Việt Nam. Chương XV BLHS đã quy định tội danh mới đối với hành vi xâm phạm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân (Điều 167), đồng thời bổ sung hành vi phạm tội xâm phạm quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân vào tội xâm phạm

quyền bầu cử, quyền ứng cử (Điều 160); bổ sung hành vi làm sai lệch kết quả trưng cầu ý dân vào tội làm sai lệch kết quả bầu cử (Điều 161) và bổ sung hành vi phạm tội xâm phạm quyền bình đẳng giới nói chung tại Điều 165 BLHS, chứ không chỉ bảo vệ quyền bình đẳng của phụ nữ như Điều 130 BLHS năm 1999 quy định.

2.3. Xu hướng mở rộng phạm vi quy định tội phạm đối với các tội phạm công nghệ cao.

Thế giới đang bước vào cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, trong đó khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ kỹ thuật số đang phát triển rất nhanh và được sử dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau, tuy nhiên cũng mang lại nhiều nguy cơ, thách thức và mối đe dọa mới. Ở Việt Nam, cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, internet, các loại tội phạm mạng, tội phạm sử dụng công nghệ cao ngày càng gia tăng với nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi, các đối tượng hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để thực hiện tội phạm, xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Trước tình hình tội phạm công nghệ cao diễn biến phức tạp khó lường, nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi trong phòng, chống loại tội phạm này, BLHS năm 2015 đã quy định 04 loại tội danh mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông: Tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật (Điều 285); tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng (Điều 291); tội sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh

(Điều 293); tội cố ý gây nhiễu có hại (Điều 294). Đồng thời BLHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung CTTP các tội phạm đã được quy định ở 05 điều luật về tội phạm của BLHS năm 1999 theo hướng TPH một phần, đó là: Tội phát tán vi rút, chương trình tin học có tính năng gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet, thiết bị số (Điều 224); tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet, thiết bị số (Điều 225); tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin trên mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet (Điều 226), tội truy cập bất hợp pháp vào mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số của người khác (Điều 226a); tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 226b).

2.4. Xu hướng phát triển quy định tội phạm góp phần khắc phục những tồn tại, bất cập, hạn chế trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm; tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả.

Trước hết, BLHS năm 2015 đã tiến hành TPH với việc quy định bổ sung 34 tội danh mới (TPH toàn phần) trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có 17 tội danh mới trong lĩnh vực kinh tế, môi trường; 04 tội danh mới trong lĩnh vực công nghệ cao (như đã phân tích ở trên) và 13 tội danh mới trong các lĩnh vực khác của đời sống xã hội¹.

Hai là, BLHS không chỉ quy định tội danh mới theo hướng TPH toàn phần mà còn điều chỉnh lại CTTP của nhiều tội phạm theo hướng TPH một phần bằng cách sửa đổi, bổ sung thêm (hoặc bớt) dấu hiệu CTTP nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm. Ví dụ: Khoản

¹ Bao gồm: Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147); tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154); tội xâm phạm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân (Điều 167); tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại (Điều 187); tội cưỡng bức lao động (Điều 297); tội bắt cóc con tin (Điều 301); tội cướp biển (Điều 302); tội đăng ký hộ tịch trái pháp luật (Điều 336); tội tổ

chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (Điều 348); tội vi phạm quy định về giam giữ (Điều 388); tội gây rối trật tự phiên tòa, phiên họp (Điều 391); tội ra mệnh lệnh trái pháp luật (Điều 393); tội chiếm đoạt hoặc huỷ hoại di vật của tử sỹ (Điều 418).

1 Điều 192 BLHS năm 1999 quy định để cấu thành tội trồng cây có chứa chất ma túy đòi hỏi phải thỏa mãn 04 dấu hiệu thuộc mặt khách quan của tội phạm này: a) người phạm tội có hành vi trồng các loại cây có chứa chất ma túy; b) đã được giáo dục nhiều lần; c) đã được tạo điều kiện để ổn định cuộc sống; iv) và đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, còn theo khoản 1 Điều 247 BLHS năm 2015, người có hành vi trồng cây có chứa chất ma túy thuộc một trong những trường hợp sau sẽ bị xử lý hình sự: a) đã được giáo dục từ hai lần trở lên và đã được tạo điều kiện ổn định cuộc sống mà vẫn còn vi phạm; b) đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm; c) đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; d) với số lượng từ 500 cây đến dưới 3000 cây.

Ba là, CTTT của nhiều tội phạm trong các lĩnh vực đời sống xã hội đã được BLHS năm 2015 sửa đổi theo hướng cụ thể hóa các hành vi và quy định mức định lượng vi phạm cụ thể để xử lý nhằm đảm bảo tính khả thi và thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng, thay cho quy định mang tính chung chung trước đây, ví dụ như tội trốn thuế quy định tại khoản 1 Điều 200 BLHS năm 2015 đã cụ thể hóa các hành vi trốn thuế thành 09 nhóm hành vi (từ điểm a đến điểm i), trong khi khoản 1 Điều 161 BLHS năm 1999 chỉ quy định giản đơn là hành vi trốn thuế.

Bốn là, song song xu hướng quy định tội danh mới (TPH) BLHS cũng đã tiến hành loại bỏ một số tội danh ra khỏi danh mục các tội phạm được quy định trong BLHS năm 1999 (phi TPH).

BLHS năm 2015 đã phi TPH 06 tội danh, trong đó có 04 tội danh trong lĩnh vực kinh tế (như đã trình bày ở trên) và 02 tội danh thuộc các chương khác: Tội tảo hôn (Điều 148) và tội không chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, quản chế hành chính (Điều 269). Đồng thời BLHS cũng sửa đổi CTTT của một số tội phạm cụ thể theo hướng phi TPH một phần, ví dụ: Khoản 1 Điều 144 BLHS năm 1999 về tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước quy định người phạm tội vì thiếu trách nhiệm mà để gây

thiệt hại cho tài sản của Nhà nước có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên thì sẽ bị xử lý hình sự, nay theo Điều 179 BLHS năm 2015 thì thiệt hại cho tài sản Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải từ 100 triệu đồng trở lên mới bị xử lý hình sự.

Năm là, xu hướng quy định tội phạm theo cách chia tách tội phạm ghép và cụ thể hóa các dấu hiệu định tội, định khung mà BLHS năm 1999 quy định mang tính chất chung chung, tùy nghi đánh giá.

BLHS năm 2015 đã có thành tựu nhất định về mặt hoàn thiện kỹ thuật lập pháp khi quy định tội phạm, thể hiện trước hết ở chỗ đã xóa bỏ tội cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 165 BLHS năm 1999) và thay thế bằng một loạt các tội phạm cụ thể vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế quy định tại các điều từ Điều 217 đến Điều 224 và Điều 230). Xóa bỏ tội phạm này là bởi vì đây là một tội danh chung chung, có phạm vi rộng nhưng lại không cụ thể, không rõ ràng, giống như cái túi để xử lý bất cứ hành vi vi phạm nào, điều này không đảm bảo tính minh bạch, dễ bị lạm dụng trong thực tiễn xử lý hình sự.

BLHS cũng đã chia tách nhiều tội phạm ghép mà trước đây BLHS năm 1999 thiết kế trong cùng một điều luật về tội phạm quy định hành vi phạm tội khác nhau mà không có sự phân hóa TNHS. Việc chia tách các tội phạm này ra thành nhiều điều luật độc lập khác nhau sẽ đảm bảo thực hiện tốt hơn nguyên tắc phân hóa, cá thể hóa TNHS, như Điều 120 BLHS năm 1999 quy định tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em. Từ điều luật này, BLHS năm 2015 tách ra thành 03 điều luật: Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151); Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi (Điều 152); Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi (Điều 153); hoặc Điều 294 BLHS năm 1999 quy định tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy. Cũng từ điều luật này, BLHS năm 2015 đã tách ra thành 04 điều luật quy định 04 tội danh khác nhau: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Điều 249); Tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250); Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251) và Tội chiếm đoạt chất ma túy (Điều 252).

BLHS năm 1999, trong hầu hết các CTTT, khi quy định dấu hiệu định tội hoặc dấu hiệu định khung liên quan đến hậu quả, thu lợi bất chính hoặc số lượng thường mang tính chất định tính, trừu tượng nên tòa án rất khó áp dụng thống nhất trong thực tiễn xét xử. Chính vì vậy, BLHS năm 2015 đã cụ thể hóa các dấu hiệu này trong cấu thành cơ bản hoặc cấu thành tăng nặng của tội phạm, trên cơ sở kết quả rà soát các văn bản hướng dẫn thi hành BLHS hiện hành nhằm tăng tính minh bạch, rõ ràng của BLHS. *Ví dụ 1:* Trong CTTT cơ bản của tội trộm cắp tài sản, dấu hiệu gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại khoản 1 Điều 173 được cụ thể hóa bằng các dấu hiệu: i) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; ii) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; iii) Tài sản là di vật, cổ vật. *Ví dụ 2:* Dấu hiệu thu lợi bất chính lớn, rất lớn, đặc biệt lớn là những tình tiết định khung tăng nặng TNHS ở điểm e khoản 2, điểm c khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 153 về tội buôn lậu trong BLHS năm 1999 được Điều 188 BLHS năm 2015 thay thế bằng dấu hiệu: thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng (điểm d khoản 2), Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng (điểm b khoản 3); Thu lợi bất chính từ 1.000.000.000 đồng trở lên (điểm b khoản 4).

3. Xu hướng phát triển nhân đạo hóa luật hình sự

Nhân đạo hóa vừa là một trong những nguyên tắc cơ bản của LHS Việt Nam, nhưng đồng thời cũng là một xu hướng của CSHS, và là nhân tố chủ đạo của LHS, bởi lẽ LHS là công cụ quan trọng do Nhà nước áp dụng đối với đối tượng là con người. Nhân đạo hóa có mối quan hệ chặt chẽ với phi hình sự hóa, phân hóa TNHS trong CSHS của Nhà nước. Nó đồng thời cũng thể hiện rõ nét hướng phát triển mới về chính sách chuyển hướng xử lý hình sự.

Xu hướng nhân đạo hóa LHS phù hợp với tư tưởng pháp lý tiên bộ của nhân loại về sự nhân đạo của pháp luật đã được thể hiện trong các điều ước quốc tế về quyền con người, nhằm bảo đảm những lợi ích tối thiểu, cũng như bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về danh dự, nhân phẩm và

tính mạng con người. BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung theo hướng nhân đạo hóa: “*Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm. Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm*”[4].

Những nội dung chủ yếu của xu hướng nhân đạo hóa LHS thể hiện trong BLHS năm 2015 trên những bình diện sau:

3.1. Xu hướng hạn chế áp dụng hình phạt tử hình

Xu hướng chung trên thế giới là thu hẹp phạm vi áp dụng và tiến tới xóa bỏ hình phạt tử hình” [5]. Còn ở Việt Nam, thực tiễn cho thấy việc duy trì hình phạt tử hình trong LHS là một biện pháp cưỡng chế cần thiết để răn đe và ngăn ngừa các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiên, trước đòi hỏi tôn trọng và bảo vệ quyền con người, hội nhập quốc tế, LHS Việt Nam qua các lần pháp điển hóa đã có nhiều thay đổi quan trọng về hình phạt tử hình theo hướng thu hẹp diện các tội danh có quy định hình phạt tử hình hoặc là quy định chặt chẽ hơn các điều kiện áp dụng, đồng thời mở rộng diện đối tượng không áp dụng, không thi hành hình phạt này.

Nghiên cứu cho thấy, phạm vi quy định về hình phạt tử hình trong LHS Việt Nam đã giảm dần đều qua các lần pháp điển hóa LHS: Năm 1985: 44 điều luật; năm 1999: 29 điều luật; năm 2009: 22 điều luật và năm 2015 chỉ còn 18 điều luật quy định hình phạt tử hình [6]. Theo khoản 2 Điều 40 BLHS năm 2015, có 03 đối tượng được quy định không áp dụng hình phạt này, đó là: Người dưới 18 tuổi khi phạm tội; Phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng hoặc người từ đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi bị xét xử. Trong số các đối tượng không bị áp dụng hình phạt tử hình nêu trên, đối tượng người từ đủ 75 tuổi trở lên là đối tượng mới được quy định. Khoản 3 Điều 40 BLHS quy định không

chỉ không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị kết án là phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi như Điều 35 BLHS năm 1999 đã quy định, mà còn mở rộng phạm vi đối tượng không bị thi hành hình phạt này đối với người đủ 75 tuổi trở lên và với người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất 3/4 tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn. Đối với những đối tượng này và những người bị kết án tử hình được ân giảm, thì hình phạt tử hình được chuyển thành tù chung thân.

3.2. Xu hướng hạn chế phạm vi áp dụng hình phạt tù chung thân và hình phạt tù có thời hạn

Về hình phạt tù chung thân: Mặc dù các điều kiện áp dụng hình phạt tù chung thân quy định tại Điều 39 BLHS năm 2015 không thay đổi so với trước, nhưng do quán triệt sâu sắc tinh thần đổi mới trong CSHS của Nhà nước là giảm hình phạt tù, tăng cường chính sách nhân đạo, nên BLHS năm 2015 đã xóa bỏ hình phạt này đối với 13 tội danh khác nhau được quy định tại các điều 121, 152, 153, 172, 173, 175, 178, 188, 208, 259, 364, 400 và 401 BLHS năm 1999, thay vào đó hình phạt nghiêm khắc nhất là tù có thời hạn.

Về hình phạt tù có thời hạn: Tù có thời hạn là loại hình phạt phổ biến và thông dụng nhất trong LHS Việt Nam. BLHS năm 2015 đã thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt này một cách đáng kể. Một mặt Điều 38 BLHS quy định giảm bớt phạm vi áp dụng hình phạt tù, theo đó hình phạt này không áp dụng đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng; mặt khác, BLHS đã tăng số lượng các khung hình phạt không có hình phạt tù mà chỉ có sự lựa chọn giữa các hình phạt không tước tự do từ 06 khung trong BLHS năm 1999 lên 26 khung hình phạt. Ngoài ra, đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cũng có quy định mới, theo đó Tòa án chỉ có thể áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa (Điều 91).

3.3. Xu hướng mở rộng các hình phạt không tước tự do thay thế cho hình phạt tù có thời hạn

Về hình phạt tiền, trước đây, Điều 30 BLHS năm 1999 quy định phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với người phạm tội ít nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính và một số tội khác là tội nghiêm trọng trong trường hợp BLHS này có quy định. Trên cơ sở điều luật trên, BLHS năm 1999 đã quy định phạt tiền là hình phạt chính trong 74 điều luật về tội phạm trên tổng số 268 điều luật về tội phạm. Còn theo khoản 1 Điều 35 BLHS năm 2015, phạm vi áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đã được mở rất rộng, nó không chỉ áp dụng đối với các tội phạm ít nghiêm trọng mà còn cả với các tội phạm nghiêm trọng và không giới hạn đối với nhóm tội phạm cụ thể nào. Đặc biệt là khoản 2 điều luật này quy định phạt tiền là hình phạt chính còn được áp dụng đối với người phạm tội rất nghiêm trọng, không chỉ là đối với nhóm tội trong lĩnh vực kinh tế, môi trường, trật tự công cộng, an toàn công cộng mà còn đối với các tội phạm khác do Bộ luật này quy định. BLHS năm 2015 có 117 điều luật về tội phạm trên tổng số 318 điều luật có quy định hình phạt tiền là hình phạt chính, trong đó có 136 khung hình phạt thuộc về tội ít nghiêm trọng, 65 khung hình phạt thuộc về tội nghiêm trọng, 05 khung hình phạt thuộc loại tội rất nghiêm trọng.

Phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung theo BLHS năm 1999 được áp dụng đối với các tội phạm cụ thể ở 103 điều luật, trong khi hình phạt này được BLHS năm 2015 quy định mở rộng áp dụng đối với các tội phạm quy định tại 141 điều luật.

Phạt tiền là hình phạt lưỡng tính còn được quy định áp dụng phổ biến đối với PNTM phạm các tội phạm cụ thể quy định tại 33 điều luật về tội phạm (Điều 76).

Về hình phạt cải tạo không giam giữ, theo khoản 1 Điều 36 BLHS năm 2015 quy định cải tạo không giam giữ được áp dụng không chỉ đối với người phạm tội ít nghiêm trọng mà còn đối với người phạm tội nghiêm trọng do luật quy định.

Trong Phần các tội phạm của BLHS năm 1999, mặc dù cải tạo không giam giữ là hình phạt không phải tù được quy định phổ biến nhất, nhưng cũng chỉ có 142 điều luật quy định hình phạt này ở dạng lựa chọn với hình phạt tù có thời hạn và trong một số trường hợp với cả hình phạt cảnh cáo và phạt tiền. Còn trong BLHS năm 2015, cải tạo không giam giữ được quy định ở hơn 200 điều luật về tội phạm. Bên cạnh đó, để thực hiện chủ trương giảm hình phạt tù, mở rộng khả năng áp dụng các hình phạt không tước tự do, BLHS đã tăng số lượng các khung hình phạt được thiết kế không có hình phạt tù, trong đó hình phạt nghiêm khắc nhất trong khung hình phạt được quy định với tội ấy là cải tạo không giam giữ lên 26 khung, trong khi, BLHS năm 1999 chỉ quy định hình phạt chính nghiêm khắc nhất là cải tạo không giam giữ trong sự lựa chọn với hình phạt cảnh cáo, phạt tiền ở 06 khung hình phạt. Đặc biệt, hình phạt này còn được quy định áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý (Điều 100) [7].

3.4. Xu hướng mở rộng các biện pháp tha miễn trách nhiệm hình sự và hình phạt

Đây là một trong những định hướng quan trọng có tính chất nhân đạo nhân văn trong CSHS. Nghiên cứu lịch sử phát triển LHS nước ta, nhất là từ sau khi ban hành BLHS năm 1985 đến nay, cho thấy mở rộng các biện pháp tha miễn TNHS và hình phạt là xu hướng liên tục đổi mới và phát triển.

Thứ nhất, xu hướng này trước hết thể hiện ở BLHS năm 2015 khi quy định thu hẹp phạm vi TNHS đối với hành vi chuẩn bị phạm tội. Trước đây, theo Điều 17 BLHS năm 1999, người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng, thì phải chịu TNHS về tội định thực hiện. Nhưng nay Điều 14 BLHS năm 2015 quy định theo hướng chỉ buộc người chuẩn bị phạm tội chịu TNHS khi họ chuẩn bị phạm một trong những tội xâm phạm an ninh quốc gia quy định từ Điều 108 đến Điều 121 hoặc một trong các tội phạm khác quy định trong các Điều 123, 134, 168, 169, 207, 299 - 303 và 324 của BLHS.

Thứ hai, BLHS năm 2015 quy định bổ sung thêm 03 trường hợp loại trừ TNHS mới, đó là: Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội (Điều 24); rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ (Điều 25); thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên (Điều 26). Xu hướng nhân đạo còn được thể hiện ở quy định về tội che giấu tội phạm tại khoản 2 Điều 18 BLHS năm 2015, theo đó người che giấu tội phạm không phải chịu TNHS, nếu họ là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội, trừ trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 BLHS.

Thứ ba, xu hướng nhân đạo hóa với việc mở rộng phạm vi áp dụng chế định miễn TNHS. BLHS năm 1999 tại Điều 25 quy định căn cứ miễn TNHS cho người phạm tội: Khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do chuyển biến của tình hình mà hành vi phạm tội hoặc người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa; Đến BLHS năm 2015 đã có sự phân biệt rõ trường hợp người phạm tội được miễn TNHS khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa với trường hợp người phạm tội có thể được miễn TNHS khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử do chuyển biến của tình hình mà họ không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

Loại căn cứ thứ hai, BLHS năm 2015 tiếp tục quy định như BLHS năm 1999, đó là: Trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội đã tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm, nhưng đồng thời bổ sung thêm quy định mới là *người phạm tội lập công lớn hoặc có cống hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận* (điểm c khoản 2 Điều 29).

Một trong những căn cứ miễn TNHS mới được bổ sung tại điểm b khoản 2 Điều 29 BLHS năm 2015 mà cơ quan tiến hành tố tụng có thể lựa chọn áp dụng trong thực tiễn, thể hiện rõ nét tính nhân đạo của LHS là: *Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử, người phạm tội mắc bệnh hiểm*

nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa.

Khoản 3 Điều 29 cũng quy định căn cứ mới cho người phạm tội được miễn TNHS, đó là: Người thực hiện tội phạm nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác, đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả và được người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn TNHS. Quy định mới này là biểu hiện rõ nét không chỉ tính nhân đạo của LHS mà còn chỉ ra khuynh hướng mới - chuyển hướng trong xử lý hình sự, nâng cao vai trò hòa giải trong tư pháp hình sự, giảm tải gánh nặng cho hệ thống tư pháp hình sự.

Ngoài các trường hợp được hoặc có thể được miễn TNHS quy định tại Điều 29, BLHS năm 2015 còn quy định hai trường hợp miễn TNHS mới khác là: Trường hợp miễn TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và kèm theo áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục (Điều 91 BLHS) và trường hợp miễn TNHS đối với người trồng cây có chứa chất ma túy nhưng đã tự nguyện phá bỏ, giao nộp cho cơ quan chức năng có thẩm quyền trước khi thu hoạch (khoản 3 Điều 247).

Thứ tư, bên cạnh chế định án treo, BLHS năm 2015 quy định biện pháp tha tù trước thời hạn có điều kiện tại Điều 66 và Điều 106. Tha tù trước thời hạn có điều kiện là biện pháp thể hiện tính chất nhân đạo, khoan hồng trong CSHS của Nhà nước được quy định trong LHS do Tòa án áp dụng đối với người đang chấp hành án phạt tù khi có đủ các điều kiện LHS quy định, xét thấy không cần buộc họ phải tiếp tục chấp hành phần hình phạt tù còn lại tại cơ sở giam giữ [8].

Tha tù trước thời hạn có điều kiện đã được quy định trong LHS của nhiều nước trên thế giới [9], còn ở Việt Nam, biện pháp này mới được quy định trong BLHS năm 2015 như là một giải pháp cho phép đưa người bị xử phạt tù quay trở về với cộng đồng sớm hơn để lao động, học tập, cải tạo, sửa chữa lỗi lầm với sự giám sát, giáo dục của gia đình, các cơ quan, đoàn thể xã hội [10].

Thứ năm, BLHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung quy định về xóa án tích nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người bị kết án sớm ổn định cuộc sống, tái hòa nhập cộng đồng, theo hướng: i) Người được miễn hình phạt và người bị kết án về một tội do lỗi vô ý thì không bị coi là có án tích (khoản 2 Điều 69); ii) Rút ngắn thời hạn xóa án tích so với quy định tại các Điều 64 và 65 BLHS năm 1999 và quy định rõ thời điểm xóa án tích được tính từ khi người bị kết án chấp hành xong hình phạt chính, thời gian thử thách án treo (theo Điều 67 BLHS năm 1999 là từ khi chấp hành xong bản án) hoặc từ khi bản án hết thời hiệu thi hành; iii) Đổi mới thủ tục đương nhiên xóa án tích theo hướng thuận lợi hơn cho người dân, theo đó, không quy định Tòa án cấp giấy chứng nhận xóa án tích cho người đương nhiên được xóa án tích mà cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và khi có yêu cầu thì cấp phiếu lý lịch tư pháp xác nhận không có án tích (khoản 4 Điều 70).

Thứ sáu, xu hướng phát triển tính nhân đạo trong xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội.

BLHS năm 2015 đã thể chế hóa ngày càng đầy đủ, cụ thể và rõ ràng quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo vệ quyền con người của người dưới 18 tuổi phạm tội, thể hiện sự cố gắng đến mức tối đa nội luật hóa và hài hòa hóa những nguyên tắc chủ yếu về xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đã được quy định trong Công ước về Quyền trẻ em và các điều ước quốc tế khác có liên quan, nhằm bảo đảm tăng cường hiệu quả giáo dục, phục hồi và tính hướng thiện trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội.

BLHS quy định việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của họ và chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Đây là nguyên tắc có tính chủ đạo, cốt lõi chi phối nội dung của CSHS trong xử lý về hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, giữ vai trò đặc biệt quan trọng và được áp dụng cho tất cả quá trình và thủ tục xử lý các hành vi phạm tội đối với người trong lứa tuổi này. Nội dung nguyên tắc này được thể hiện bởi quy định về phạm vi TNHS của người từ

dưới 18 tuổi phạm tội tại khoản 2 Điều 12 BLHS và trong các điều khoản của chương XII BLHS năm 2015.

Những biện pháp xử lý mang tính nhân đạo, có lợi cho người dưới 18 tuổi phạm tội rất đa dạng. Trước hết là áp dụng biện pháp miễn TNHS và kèm theo đó là các biện pháp giám sát, giáo dục. Khoản 2 Điều 91 BLHS quy định những điều kiện cụ thể để cơ quan tiến hành tố tụng quyết định miễn TNHS và áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục (khiên trách, hòa giải tại cộng đồng, giáo dục tại xã, phường, thị trấn) đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Hình thức miễn TNHS này, có thể nói, là sự lựa chọn phù hợp và có tính ưu tiên hàng đầu trong xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội. Thực tiễn cho thấy, trong nhiều trường hợp, việc áp dụng các biện pháp xử lý thay thế (xử lý chuyển hướng) nằm ngoài hệ thống tư pháp đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi này, tạo môi trường phát triển bình thường cho họ lại mang lại hiệu lực, hiệu quả trong giáo dục, phòng ngừa. Đây là xu hướng mới quy định trong BLHS và cũng là xu hướng được cổ vũ bởi cộng đồng quốc tế thông qua các văn kiện pháp luật quốc tế về bảo vệ quyền con người của người dưới 18 tuổi.

BLHS cũng quy định việc truy cứu TNHS người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ được đặt ra trong trường hợp thật cần thiết, và chỉ áp dụng hình phạt đối với họ nếu xét thấy việc miễn TNHS và áp dụng một trong các biện pháp chuyển hướng xử lý không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa.

BLHS quy định không xử phạt tù chung thân, tử hình và hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Quy định này phù hợp với nguyên tắc nhân đạo của đường lối xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội của Nhà nước là lấy giáo dục làm chủ yếu, và phù hợp với tinh thần công ước của Liên Hợp quốc về Quyền trẻ em và các điều ước quốc tế có liên quan khác.

Đối với hình phạt tù có thời hạn - hình phạt nghiêm khắc nhất đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, BLHS nhấn mạnh là Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với họ khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác

không có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Trong trường hợp buộc phải áp dụng hình phạt này đối với họ, Tòa án cho họ được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng và với thời hạn thích hợp ngắn nhất. Án đã tuyên đối với người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi phạm tội, thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm [11].

4. Xu hướng phát triển quy định tội phạm nhằm quốc tế hóa, nội luật hóa các quy định của các điều ước quốc tế mà nước ta là thành viên, góp phần tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm

BLHS năm 1999 được ban hành trong bối cảnh nước ta chưa hội nhập quốc tế sâu, rộng, nhiều điều ước quốc tế Việt Nam chưa có điều kiện gia nhập, do vậy, chưa phản ánh được những đặc điểm và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong điều kiện hội nhập quốc tế, chưa tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thuận lợi cho việc hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm [12]. Bước sang thế kỷ XXI, trong bối cảnh toàn cầu hóa, và nhất là trong bối cảnh cách mạng 4.0 thì vấn đề quốc tế hóa, hài hòa hóa pháp luật đối với Việt Nam là xu hướng tất yếu và là nhu cầu nội tại. Việt Nam, trong thời gian qua cũng đã tham gia nhiều tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực và là thành viên của nhiều điều ước quốc tế đa phương. Đồng thời, trong quá trình hội nhập quốc tế, Việt Nam đã và đang đương đầu với các loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, các tội phạm an ninh phi truyền thống. Vì lẽ đó, BLHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung theo hướng quốc tế hóa và nội luật hóa các quy định hình sự trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là quốc gia thành viên, nhằm thực thi đầy đủ các nghĩa vụ của quốc gia thành viên và tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho việc chủ động và tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm.

Trên cơ sở kết quả rà soát các yêu cầu, khuyến nghị của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên cũng như tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp hình sự của một số nước,

BLHS năm 2015 đã thực hiện những sửa đổi, bổ sung chủ yếu sau:

Một là, các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh đã được quy định tại chương XXIV BLHS 1999, nhưng CTTP của các tội phạm này trong chương XXVI BLHS năm 2015 đã có sự sửa đổi theo hướng mở rộng khách thể bảo vệ của LHS để nội dung cấu thành phù hợp hơn với chuẩn mực pháp lý quốc tế và đáp ứng được yêu cầu của quan hệ ngoại giao trong tình hình mới. Điều 424 bổ sung các hành vi phạm tội mới: Huấn luyện hoặc sử dụng lính đánh thuê. Đồng thời trong CTTP của các tội phạm khác, BLHS đã mở rộng đối tượng bảo vệ, ví dụ: Điều 341 BLHS năm 1999 quy định đối tượng được bảo vệ trước tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược là độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ một nước khác, còn Điều 421 BLHS năm 2015 quy định đó là độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ độc lập, có chủ quyền khác. BLHS quy định tương tự như trên đối với tội chống loài người (Điều 422), tội phạm chiến tranh (Điều 423), tội tuyền mộ lính đánh thuê (Điều 224), tội làm lính đánh thuê (Điều 425). Đặc biệt, BLHS năm 2015 đã thực hiện phân hóa TNHS đối với tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược (Điều 421), tội chống loài người (Điều 422), tội phạm chiến tranh (Điều 423) bằng cách từ khung hình phạt cơ bản tách ra xây dựng thêm khung hình phạt giảm nhẹ TNHS (khoản 2), đó là phạm tội trong trường hợp do bị ép buộc hoặc do thi hành mệnh lệnh của cấp trên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, trong khi đó khung hình phạt cơ bản của các tội phạm này quy định hình phạt nghiêm khắc nhất là tử hình.

Hai là, BLHS đã đáp ứng yêu cầu Điều 3 Công ước về Nghiêm cấm và Hành động khẩn cấp xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất bằng việc TPH hành vi sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147). Đồng thời, BLHS cũng đã TPH hành vi phạm tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154). Đây cũng là một loại tội phạm có tổ chức theo Công ước Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Công ước TOC) và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng

trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em (Nghị định thư TIP).

Ba là, BLHS cũng đã nội luật hóa: Tội bắt cóc con tin (Điều 301); tội cướp biển (Điều 302) trên tinh thần Công ước Chống bắt cóc con tin năm 1979 và Công ước quốc tế về Luật Biển năm 1982 mà Việt Nam là thành viên. Trên cơ sở yêu cầu của Công ước số 105 năm 1957 của Tổ chức Lao động quốc tế về xóa bỏ lao động cưỡng bức, BLHS cũng đã TPH hành vi cưỡng bức lao động (Điều 297).

Bốn là, BLHS không chỉ bổ sung quy định không áp dụng thời hiệu truy cứu TNHS đối với tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ (thuộc trường hợp quy định tại các khoản 3,4 Điều 353, 354 (khoản 3 Điều 28), mà còn mở rộng phạm vi CTTP của tội tham ô tài sản (Điều 353), tội nhận hối lộ (Điều 354), tội đưa hối lộ (Điều 364) và tội môi giới hối lộ (Điều 365). Theo đó, người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức thuộc khu vực tư mà thực hiện hành vi tham ô tài sản, nhận hối lộ thì cũng bị xử lý về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ theo quy định tại các Điều 353, 354 của BLHS; Người có hành vi đưa hối lộ hoặc môi giới hối lộ cho công chức nước ngoài, công chức của tổ chức quốc tế công, người có chức vụ trong các doanh nghiệp, tổ chức thuộc khu vực tư thì cũng bị xử lý về tội đưa hối lộ hoặc tội môi giới hối lộ theo quy định tại các Điều 364, 365 của BLHS. Những bổ sung quan trọng này có ý nghĩa thiết thực trước những thay đổi của nền kinh tế, xu thế hội nhập quốc tế và cũng là dựa trên cơ sở các khuyến nghị của Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng.

Năm là, bên cạnh xu hướng phát triển quy định tội phạm (TPH toàn phần) trên cơ sở nội luật hóa các quy định về hình sự trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là quốc gia thành viên như nêu trên, BLHS năm 2015 cũng đã sửa đổi, bổ sung các dấu hiệu định tội hoặc định khung của nhiều tội phạm đã được nội luật hóa trong BLHS năm 1999, trên cơ sở rà soát các yêu cầu, khuyến nghị của các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, như: i) Sửa đổi, bổ sung quy định về tội mua bán người (Điều 150) và tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151) phù hợp với Nghị

định thư về Phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (ban hành kèm theo Công ước của Liên Hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia); ii) Sửa đổi, bổ sung quy định về tội tài trợ cho khủng bố (Điều 300), tội rửa tiền (Điều 324) đồng thời bổ sung quy định về TNHS của PNTM đối với hai tội này nhằm đáp ứng đầy đủ yêu cầu các khuyến nghị của các điều ước quốc tế về chống tham nhũng, rửa tiền, buôn bán người, khủng bố, tài trợ khủng bố,... mà Việt Nam là thành viên, trong đó có các khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF) mà Việt Nam cần tuân thủ với tư cách là thành viên Nhóm châu Á - Thái Bình Dương về chống rửa tiền; iii) Sửa đổi, bổ sung dấu hiệu CTPP của tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (Điều 157), tội dùng nhục hình (Điều 373) và tội bức cung (Điều 374) nhằm bảo đảm yêu cầu Công ước Chống tra tấn và Các hình thức đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người đã được Quốc hội Việt Nam phê chuẩn ngày 28/11/2014.

5. Một số vấn đề đặt ra cho sự phát triển của Luật Hình sự Việt Nam trong tương lai

Kết quả nghiên cứu các xu hướng phát triển của LHS cho thấy BLHS 2015 tuy đã đạt được những thành tựu quan trọng, thể hiện sự đổi mới mạnh mẽ trong CSHS của nhà nước ta nhưng vẫn còn có những tồn tại, hạn chế nhất định, có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, quản lý và bảo vệ đất nước nên việc tiếp tục đổi mới và hoàn thiện PLHS là đòi hỏi khách quan. Trong bài viết này, xin đề xuất một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, trong tương lai nên nghiên cứu mở rộng nguồn LHS với việc quy định tội phạm và hình phạt trong các văn bản pháp luật chuyên ngành. Tham khảo kinh nghiệm của các nước cho thấy xu hướng quy định tội phạm và hình phạt trong luật chuyên ngành là nổi trội. Việc quy định tội phạm và hình phạt trong các luật chuyên ngành như vậy sẽ linh hoạt hơn, đáp ứng kịp thời yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. Điều này góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quy trình sửa đổi, bổ sung

BLHS và tiết kiệm chi phí, không phải ban hành luật riêng để sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS như thời gian qua [13].

Thứ hai, nghiên cứu tiếp tục hoàn thiện nguyên tắc phân hóa TNHS trong LHS, thể hiện ở những khía cạnh: i) về phân loại tội phạm tại khoản 1 Điều 9 BLHS nên căn cứ vào yếu tố lỗi (lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý) để quy định tội ít nghiêm trọng và tội nghiêm trọng là những tội cố ý hoặc vô ý, còn các tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng luôn luôn là tội cố ý; ii) Điều 15 BLHS quy định: người phạm tội chưa đạt phải chịu TNHS về tội phạm chưa đạt. Quy định phạm vi TNHS đối với trường hợp phạm tội chưa đạt như vậy là quá rộng, không phù hợp với CSHS về xử lý hình sự có sự phân hóa và cũng không phù hợp với tinh thần khoản 2 Điều 8 BLHS. Vì vậy BLHS trong tương lai chỉ nên quy định người/PNTM phạm tội chưa đạt phải chịu TNHS về tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng chưa đạt; iii) rà soát các khung hình phạt trong các điều luật về tội phạm để sửa đổi theo hướng thu hẹp khung hình phạt và chúng có sự kế tiếp nhau.

Thứ ba, trong hệ thống hình phạt đối với người phạm tội trong BLHS năm 2015 vẫn chỉ là ba hình phạt không tước tự do (cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trừ trực xuất áp dụng cho người nước ngoài phạm tội). Mặc dù BLHS năm 2015 đã mở rộng phạm vi áp dụng các hình phạt này, nhưng thực tiễn cho thấy xu hướng áp dụng hình phạt tù có thời hạn là nổi trội, ngay cả khi áp dụng hình phạt này ở mức thấp. Chính vì thế, trong tương lai BLHS nên bổ sung thêm hình phạt không tước tự do trong hệ thống hình phạt, ví dụ như hình phạt tiền theo ngày hoặc theo thu nhập của người phạm tội, bên cạnh hình phạt tiền thông thường. Đây là loại hình phạt được quy định có tính phổ biến trong LHS của nhiều nước; đồng thời nên quy định các hình phạt không tước tự do bên cạnh hình phạt tù có thời hạn trong các khung hình phạt về tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng và cả các khung hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội để Tòa án lựa chọn, đồng thời tăng mạnh số khung hình phạt quy định hình phạt cao nhất là cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền thông

thường hay phạt tiền theo ngày thu nhập. Bên cạnh đó, để giảm hơn nữa việc áp dụng hình phạt tù ngắn hạn, tại Điều 38 BLHS cần bổ sung thêm quy định là Tòa án chỉ tuyên hình phạt tù có thời hạn dưới 6 tháng nếu những tình tiết đặc biệt thuộc hành vi phạm tội hoặc nhân thân người phạm tội làm cho việc tuyên hình phạt tù có thời hạn là cần thiết để tác động tích cực đến người phạm tội hoặc để bảo vệ trật tự an toàn xã hội. Trong trường hợp này có thể thay thế bằng hình phạt nhẹ hơn.

Đối với hình phạt tử hình, trong tương lai nhà làm luật cũng nên tiếp tục tính đến xóa bỏ hình phạt này đối với một số tội phạm, ví dụ như: tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 194); Tội tham ô (Điều 353); Tội nhận hối lộ (Điều 354), Tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250) [14]. Một kinh nghiệm hay của Trung Quốc ta cũng nên tham khảo. Điều 48, 50 BLHS Trung Quốc quy định *“...Nếu trong trường hợp chưa cần thiết phải thi hành ngay đối với người bị kết án tử hình, Tòa án có thể tuyên hoãn thi hành án tử hình sau 2 năm ngay tại thời điểm tuyên án tử hình”*. *“Nếu người bị kết án tử hình được hoãn thi hành không phạm tội mới do cố ý trong thời hạn hoãn thi hành thì sau 2 năm hình phạt tử hình được thay thế bằng hình phạt tù chung thân...”*[15].

Thứ tư, tiếp thu kinh nghiệm lập pháp nước ngoài, trong tương lai nên xem xét thiết lập các biện pháp tha miễn sau trong LHS Việt Nam, đó là i) Hoãn tuyên hình phạt; ii) Quản thúc tại nhà dưới sự giám sát điện tử [16].

Thứ năm, về TNHS của PNTM, BLHS năm 2015 vẫn còn có những tồn tại, hạn chế nhất định cần phải tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của Chiến lược Cải cách tư pháp cũng như Chiến lược quốc gia Phòng chống tội phạm của Chính phủ [17].

BLHS quy định PNTM chỉ phải chịu TNHS về các tội được quy định tại 33 điều luật về tội phạm là chưa phù hợp với thực tiễn cũng như xu hướng vận động của loại tội phạm do pháp nhân thực hiện. Để đảm bảo việc xử lý về hình sự đối với pháp nhân triệt để, công bằng và hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống

tội phạm trong tình hình mới cần thiết quy định TNHS đối với cả các pháp nhân phi thương mại, trừ các cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp. Bên cạnh đó, BLHS năm 2015 nên mở rộng TNHS của pháp nhân đối với một số loại tội phạm khác, ngoài các tội phạm được quy định tại Điều 76 trong Phần các tội phạm BLHS. Pháp nhân phải chịu TNHS đối với tội phạm nào, BLHS chỉ nên quy định cụ thể trong các điều luật về tội phạm thuộc Phần các tội phạm cụ thể, không cần có quy định chung chung như tại Điều 76.

Khoản 1 Điều 75 BLHS quy định các điều kiện để quy kết tội phạm và TNHS đối với pháp nhân, đó là: Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh PNTM, vì lợi ích của PNTM, có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM và hành vi phạm tội chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS. Quy định các điều kiện quy kết TNHS cho pháp nhân như trên vừa thừa lại vừa thiếu. Điều luật này cần quy định cụ thể cá nhân nào của pháp nhân thực hiện hành vi phạm tội có thể quy kết cho pháp nhân; đồng thời chuyển điều kiện về thời hiệu truy cứu TNHS về Điều 27 BLHS. Khoản 1 Điều 75 BLHS về điều kiện chịu TNHS của pháp nhân nên quy định như sau: Các pháp nhân, ngoại trừ các cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, chịu TNHS về hành vi phạm tội do nhân viên hoặc người đại diện của pháp nhân, nhân danh pháp nhân, vì lợi ích của pháp nhân thực hiện và hành vi phạm tội đó được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân. Điều 27 về thời hiệu truy cứu TNHS sẽ sửa đổi như sau: 1) Thời hiệu truy cứu TNHS là thời hạn do Bộ luật này quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội hoặc pháp nhân phạm tội không bị truy cứu TNHS. 2) Thời hiệu truy cứu TNHS được quy định như sau:... 3) Thời hiệu truy cứu TNHS được tính từ ngày tội phạm được thực hiện. Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, người phạm tội hoặc pháp nhân phạm tội lại thực hiện hành vi phạm tội mới mà Bộ luật này quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy trên 01 năm tù, thì thời hiệu đối với tội cũ được tính lại kể

từ ngày thực hiện hành vi phạm tội mới. Bên cạnh đó, nên loại bỏ khoản 2 của Điều 2 BLHS, đồng thời điều này được sửa đổi là: Chỉ người hoặc pháp nhân nào thực hiện hành vi phạm tội được BLHS quy định mới phải chịu TNHS.

Thứ sáu, cần tiếp tục kiểm tra, rà soát để nội luật hóa những quy định về hình sự trong các điều ước quốc tế mà nước ta là thành viên vào BLHS. Hội nhập quốc tế, đặc biệt là hội nhập kinh tế quốc tế và hoàn thiện hệ thống pháp luật, không chỉ hoàn thiện pháp luật quốc gia mà cả việc chủ động, tích cực tham gia xây dựng pháp luật quốc tế [18]. Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam và trong bối cảnh toàn cầu hóa đòi hỏi Việt Nam phải hoàn thiện hệ thống pháp luật của mình, trong đó có PLHS, nhằm tuân thủ, thực hiện tốt các cam kết quốc tế của Việt Nam. Đồng thời góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế trên lĩnh vực pháp luật của Việt Nam có hiệu quả, thành công.

Tài liệu tham khảo

- [1] Report No. 186/TTr-CP of the Government Dated April 27, 2015 on the Penal Code Project (Amended).
- [2] T. Q. Toan, Criminal Liability of Legal Entities in Criminal Law, National Political Publisher House, 2011.
- [3] National Assembly Standing Committee, Report Explaining the Reception and Revision of the Draft Penal Code (Amended), Documents of the 10th Session of the XIII National Assembly, 2015.
- [4] Resolution 49-NQ/TW Dated June 2, 2005 of the Politburo on Judicial Reform Strategy Until 2020.
- [5] As of 2019, 106 Countries Around the World Have Abolished the Death Penalty for All Types of Crimes- Amnesty International, <https://www.amnesty.org/en/what-we-do/death-penalty/death-penalty-your-questions-answered> (accessed on January 12th, 2024).
- [6] T. Q. Toan, Institution of Death Penalty in Vietnam's Criminal Law and some Recommendations for Improvement, VNU Journal of Science, Jurisprudence Vol. 28 (2012) pp. 30-41.
- [7] N. N. Hoa, Scientific Commentary on the 2015 Penal Code, Amended and Supplemented in 2017 (General Part), Justice Publishing House, 2017, pp. 182 and next.
- [8] Resolution No. 01/2018/NQ-HDTP Dated April 24, 2018 of the Council of Judges of the Supreme People's Court on Guiding the Application of Articles 66 and 106 of the Penal Code on Conditional Release from Prison Before the Term of Imprisonment.
- [9] T. Q. Toan, Completing a number of Measures to Exempt and Reduce Penalties in the Penal Code in 1999 to Meet the Requirements of Judicial Reform, VNU Journal of Science, Economics and Law, No. 24, 2008, pp.175 and next.
- [10] Drafting Committee of the Penal Code (amended), Detailed explanation of the Draft Penal Code (amended), Hanoi 4/2015, pp. 19-21.
- [11] More About the Juvenile Justice Law Project and the Supreme People's Court's Report on this Draft Law: <https://vbpq.toaan.gov.vn/webcenter/portal/htvb/vbdt> (accessed on January 12th, 2024).
- [12] D. L. Thu, The internationalization trend of Vietnamese criminal law and issues for criminal legislation, Journal of Legislative Studies No. 12, June 2020.
- [13] D. D. H. Ha, D. D. H. Ha, Crime and Punishment Regulations in Specialized Legal Documents, Justice Publishing House, Hanoi, 2022, pp. 75 and next.
- [14] T. Q. Toan, Institution of Death Penalty in Vietnam's Criminal Law and Some Recommendations for Improvement, VNU Journal of Science, Jurisprudence, Vol. 28, 2012, pp. 30-41.
- [15] Chinese Criminal Law (2017), Chinese Law Information Portal, CJO chinajusticeobserver.com (accessed on April 25th, 2024).
- [16] T. Q. Toan, Completing a Number of Measures to Exempt and Reduce Penalties in the Penal Code in 1999 to Meet The Requirements of Judicial Reform, Science Magazine, Economics and Law, No. 24, 2008, p.175 and next.
- [17] Decision No. 623/QĐ-TTg, dated April 14, 2016 of the Prime Minister Approving the National Strategy for Crime Prevention and Control for the Period 2016 - 2025 and Orientation to 2030.
- [18] Resolution No. 22-NQ/TW dated April 1, 2013 of the Politburo on international integration (Sections II.2 and III.1).